

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 397 /2025/DS-PT

Ngày 07 - 7 - 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thơ.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2025/TLPT-DS ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 945/2025/QĐ-PT ngày 24/6/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp).

- **Bị đơn:**

1. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1982 (có mặt).

2. Anh **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:*

Vào năm 2016 bà C có làm đầu thảo hụi và chị Nguyễn Thị Ngọc T cùng chồng là anh Huỳnh Văn P có tham gia 01 dây hụi 01 tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) khai ngày 30/6/2016 (Âm lịch) cùng với 18 người khác.

Trong quá trình tham gia dây hụi trên, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P hốt hụi đầu với số tiền 61.600.000 đồng (Sáu mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng) và phải đóng hụi chết lại với số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Bà C đã giao phần hụi trên cho chị Ngọc T và anh P nhận phần tiền là 61.600.000 đồng (Sáu mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng) có viết biên nhận và ký tên.

Nhưng sau khi hốt dây hụi trên xong, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P không có đóng lại phần hụi chết nào; nay dây hụi trên đã mãn, bà C đã nhiều lần đến nhà gặp chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P để thu lại số tiền hụi chết trên nhưng chị T và anh P không đóng mà hẹn đi hẹn lại rất nhiều lần, đến nay vẫn chưa đóng và còn lẩn tránh bà C. Sau đó vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P có trả cho bà Huỳnh Thị C 30.000.000 đồng thì không trả nữa.

Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền hụi chết là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Bà C không đồng ý cho vợ chồng anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị Ngọc T trả số tiền 29.120.000 đồng và không cho trả dần, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T và Huỳnh Văn P thống nhất trình bày:*

Anh P và chị T thống nhất có nợ số tiền hụi chết là 85.000.000 đồng, vợ chồng anh P và chị T có trả số tiền như sau: Từ ngày 01/3/2017 đến ngày 24/6/2017 là 127 ngày, chị T cho bà C mỗi ngày là 170.000.000 đồng, tổng cộng là 21.590.000 đồng.

Chị còn thiếu các dây hụi trước năm 2017 là 18.000.000 đồng, chị T có trả góp cho bà C từ ngày 26/9/2016 đến ngày 29/01/2017, chị T góp được 57 ngày và có đóng thêm tiền, có nhiều đóng nhiều tổng cộng là 22.290.000 đồng. Vào ngày 18/11/2019, anh P và chị T có trả cho bà C số tiền 30.000.000 đồng tại nhà chị T.

Anh P, chị T xác định chỉ còn nợ bà C số tiền 29.120.000 đồng, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp), đã căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, hiêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy*

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền hui chết còn lại là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 24/5/2023 chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P có đơn kháng cáo yêu cầu được trả phần tiền còn nợ là 29.120.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin được trả dần mỗi tháng cho đến khi trả hết số tiền 29.120.000 đồng.

- Bà Huỳnh Thị C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có hồ sơ vụ án, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới nên yêu cầu kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Anh P và chị T thừa nhận có nợ số tiền hui chết của bà C là 85.000.000 đồng. Vợ chồng anh P và chị T xác định có trả số tiền như sau: Từ

ngày 01/3/2017 đến ngày 24/6/2017 là 127 ngày, chị T đã trả cho bà C mỗi ngày là 170.000.000 đồng, tổng cộng là 21.590.000 đồng. Chị còn thiếu các dây hụi trước năm 2017 là 18.000.000 đồng, chị T có trả góp cho bà C từ ngày 26/9/2016 đến ngày 29/01/2017, chị T góp được 57 ngày và có đóng thêm tiền, có nhiều đóng nhiều tổng cộng là 22.290.000 đồng. Vào ngày 18/11/2019, anh P và chị T có trả cho bà C số tiền 30.000.000 đồng tại nhà chị T. Vợ chồng anh P, chị T xác định chỉ còn nợ bà C số tiền 29.120.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

[2.2] Bà C thừa nhận vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P có trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng; ngoài ra bà không còn nhận khoản tiền nào khác. Chị T cho rằng có trả cho bà C phần tiền 22.290.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, bà C không thừa nhận, nên không có căn cứ để xác định chị T, anh P có trả số tiền trên cho bà C. Ngoài ra chị T, anh P xin trả dần là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, không được bà C đồng ý, nên không có cơ sở để chấp nhận cho chị T, anh P trả dần.

[2.3] Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, chị T, anh P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P không được chấp nhận nên chị T, anh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 14/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp).

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, hiêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền hụi chết còn lại là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm

Bà Huỳnh Thị C được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028807 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Đồng Tháp) nên xem như đã thi hành xong phần án phí phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND khu vực 2 – Đồng Tháp;
 - THADS tỉnh Đồng Tháp;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2025-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2025
 Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Phòng nghị án số 3)
 Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
 Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh B.**
 Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị T2.**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 238/2025/TLPT-DS ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”, giữa:

1. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1982.
2. Anh **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1976.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất 100% (3/3) quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 14/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp).

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, hiêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị C.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Văn P phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền hụi chết còn lại là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm

Bà Huỳnh Thị C được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Huỳnh Văn P, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028807 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Đồng Tháp) nên xem như đã thi hành xong phần án phí phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 07 tháng 7 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Trần Hữu Tính
Dũng**

Nguyễn Ngọc Thái

Võ Thanh Bình

